# THÀNH PHẦN LOÀI CÂY CÓ TINH DẦU THUỘC HỌ NA (ANNONACEAE) VÀ HỌ CAM (RUTACEAE) Ở VƯỜN QUỐC GIA PÙ MÁT, NGHỆ AN

**NGUYỄN VIẾT HÙNG**
*Trường Đại học Vinh*

**TRẦN HUY THÁI**
*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,*
*Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

**ĐỖ NGỌC ĐÀI**
*Trường Đại học Kinh tế Nghệ An*

Vườn Quốc gia (VQG) Pù Mát nằm về phía Tây Bắc tỉnh Nghệ An có tọa độ 18°46' - 19°12' vĩ độ Bắc, 104°24' - 104°56' kinh độ Đông. Tổng diện tích của Vườn là 91.113 ha, trong đó phân khu bảo vệ nghiêm ngặt là 89.517 ha, phân khu phục hồi sinh thái là 1.569 ha, nằm trong địa giới hành chính của 3 huyện Anh Sơn, Con Cuông và Tương Dương. VQG Pù Mát được đánh giá là một trong những trung tâm đa dạng nhất Việt Nam, nơi có diện tích rừng nguyên sinh còn sót lại, ít chịu tác động của con người. Hiện nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu về hệ động thực vật của các tác giả Nguyễn Nghĩa Thìn và cs (2004) [9],... Tuy nhiên, việc nghiên cứu về các họ thực vật nói riêng và nhóm thực vật cho tinh dầu nói chung một cách cụ thể và đầy đủ thì chưa có công bố nào. Bài báo này là kết quả nghiên cứu các loài cây có tinh dầu ở VQG Pù Mát, Nghệ An, cung cấp những dẫn liệu về thực vật có tinh dầu nói riêng và hệ thực vật nói chung để góp phần khai thác và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lý.

## I. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 1. Vật liệu nghiên cứu

Đối tượng là các loài thực vật có tinh dầu phân bố ở VQG Pù Mát, Nghệ An; mẫu được lưu trữ tại Phòng mẫu Bộ môn Thực vật, Khoa Sinh học, Trường Đại học Vinh, Nghệ An.

### 2. Phương pháp nghiên cứu

*Thu mẫu và xử lí mẫu:* Tiến hành thu mẫu theo phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn (2008) [8].

*Định loại:* Sử dụng phương pháp truyền thống là hình thái so sánh trong các tài liệu của Nguyễn Tiến Bân (2000) [1], Phạm Hoàng Hộ (1999-2000) [5], thực vật chí Trung Quốc [10], Bùi Thị Thu Hà (2012) [4].

Đánh giá về giá trị sử dụng dựa vào phương pháp phỏng vấn có sự tham gia (PRA) và các tài liệu của Võ Văn Chi (2012) [2], Nguyễn Tiến Bân (2000) [1], Bùi Thị Thu Hà (2012) [4].

## II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

### 1. Đa dạng về thành phần loài cây cho tinh dầu của họ Cam (Rutaceae) và họ Na (Annonaceae)

Kết quả điều tra đã xác định được 58 loài 24 chi của họ Cam (Rutaceae) và họ Na (Annonaceae) phân bố ở Vườn Quốc gia Pù Mát, kết quả được thống kê ở bảng 1.

*Bảng 1*

**Danh lục thành phần các loài có tinh dầu của họ Cam (Rutaceae) và họ Na (Annonaceae) ở VQG Pù Mát, Nghệ An**

| TT | Taxon | Tên Việt Nam | DT | GTSD |
|---|---|---|---|---|
| | **Rutaceae** | **Họ Cam** | | |
| 1 | *Atalantia buxifolia* (Poir.) Oliv. | Quýt gai | Gn | M,E |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 2 | *Acronychia pedunculata* (L.) Miq. | Bưởi bung | Gn | M,E |
| 3 | *Atalantia roxburghiana* Hook. f. | Quýt dại roxburghiana | Gn | M,E,F |
| 4 | *Atalantia guillauminii* Sw. | Quýt rừng | Gn | E |
| 5 | *Citrus grandis* (L.) Osbeck | Bưởi | Gn | M,E,F |
| 6 | *Citrus limon* (L.) Burm.f. | Chanh tây | Gn | M,E,F |
| 7 | *Clausena anisata* (Willd.) Hook. f. ex Benth. | Hồng bì núi | Gn | M,E,F |
| 8 | *Clausena engleri* Tanaka | Hồng bì engler | Gn | E |
| 9 | *Clausena excavate* Burm.f. | Mắc mật rừng | Gn | M,E |
| 10 | *Clausena harmandiana* (Pierre) Pierre ex Guillaum. | Giối harmand | Bu | E |
| 11 | *Clausena indica* (Dalz.) Oliv. | Mắc mật núi | Bu | M,E |
| 12 | *Clausena lansium* (Lour.) Skeels | Hồng bì | Gn | M,E,F |
| 13 | *Euodia callophylla* Guill. | Dấu dầu lá hẹp | Gn | E |
| 14 | *Euodia lepta* (Spreng) Merr. | Ba chạc | Gn | M,E |
| 15 | *Euodia simplicifolia* Ridl. | Dấu dầu lá đơn | Bu | M,E |
| 16 | *Glycosmis crassifolia* Ridl. | Cơm rượu lá mập | Bu | E |
| 17 | *Glycosmis mauritiana* Ridl. | Cơm nguội đá | Bu | E |
| 18 | *Glycosmis pentaphylla* (Retz.) Correa | Cơm rượu | Bu | M,E |
| 19 | *Glycosmis petelotii* Guillaum. | Cơm rượu petelot | Bu | E |
| 20 | *Luvunga scandens* (Roxb.) Buch.-Ham. | Móc câu hương | Lt | M,E |
| 21 | *Micromelum hirsutum* Oliv. | Mắt trâu | Bu | M,E |
| 22 | *Micromelum integerrimum* (Buch.-Ham.) Roem. | Mắt trâu bìa nguyên | Bu | M,E |
| 23 | *Murraya paniculata* (L.) Jack. | Nguyệt quế | Gn | M,E,Or |
| 24 | *Paramignya andamanica* (King) Tanaka | Cựa gà | Lt | M,E,F |
| 25 | *Paramignya petelotii* Guillaum. | Xáo petelot | Lt | E |
| 26 | *Tetradium fraxinifolium* (Hook. f.) Hartl. | Dấu dầu lá tần bì | Gn | M,E,T |
| 27 | *Zanthoxylum acanthopodium* DC. | Sẻn | Gn | M,E,F |
| 28 | *Zanthoxylum avicennae* (Lamk.) DC. | Muồng truồng | Gn | M,E |
| 29 | *Zanthoxylum laetum* Drake | Hoàng mộc sai | Lt | E,F |
| 30 | *Zanthoxylum myriacanthum* Wall. ex Hook.f. | Hoàng mộc nhiều gai | Gn | M,E,F |
| 31 | *Zanthoxylum nitidum* (Lamk.) DC. | Sưng | Lt | M,E,F |
| | **Annonaceae** | **Họ Na** | | |
| 32 | *Alphonsea philastriana* (Pierre) Pierre ex Fin. et Gagnep. | An phong nhiều trái | Gn | E |
| 33 | *Alphonsea tonkiensis* DC. | An phong bắc bộ | Gn | E |
| 34 | *Annona squamosa* L. | Na | Gn | M,E,F |
| 35 | *Annona muricata* L. | Mãng cầu xiêm | Gn | M,E,F |
| 36 | *Annona reticulata* L. | Bình bát | Gn | M,E,F |
| 37 | *Artabotrys hongkognensis* Hance | Móng rồng hồng kông | Bu | E,Or |
| 38 | *Artabotrys vinhensis* Ast | Móng rồng vinh | Bu | E |
| 39 | *Dasymaschalon glaucum* Merr. & Chun | Mao quả mốc | Gn | M,E |
| 40 | *Dasymaschalon sootopensis* Craib | Mao quả | Gn | M,E |
| 41 | *Desmos chinensis* Lour. | Hoa giẻ thơm | Bu | M,E,Or |
| 42 | *Desmos cochinchinensis* Lour. | Hoa giẻ nam bộ | Bu | E,Or |
| 43 | *Desmos pedunculosus* (A. DC.) Ban | Hoa giẻ cánh to | Bu | E,Or |
| 44 | *Fissistigma bicolor* (Roxb.) Merr. | Lãnh công lông | Bu | M,E |
| 45 | *Fissistigma oldhami* (Hemsl.) Merr. | Qua phức mộc | Bu | M,E |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 46 | *Fissistigma latifolium* (Dun.) Merr. | Lãnh công lá to | Bu | M,E |
| 47 | *Fissistigma villossium* (Ast.) Merr. | Cách thư có lông | Bu | M,E |
| 48 | *Goniothalamus tamirensis* Fin. et Gagnep. | Giác đế miên | Gn | M,E,Or |
| 49 | *Goniothalamus takhtajanii* | Giác đế tam đảo | Bu | E |
| 50 | *Miliusa balansae* Fin. et Gagnep. | Mại liễu balansa | Gn | E,Or,T |
| 51 | *Miliusa sinensis* Fin. et Gagnep. | Mại liễu | Gn | E,Or |
| 52 | *Polyalthia cerasoides* (Roxb.) Benth. et Hook. | Nhọc anh đào | Gn | E |
| 53 | *Polyalthia laui* Merr. | Nhọc lá to | Gn | E,T |
| 54 | *Uvaria micrantha* Hook. f. et Thoms | Bồ quả bông nhỏ | Bu | M,E,Or |
| 55 | *Uvaria grandifolia* Roxb. ex Hornem | Chuối con chồng | Bu | M,E,Or |
| 56 | *Uvaria tonkinensis* Fin. et Gagnep. | Dây hoa dẻ | Bu | M,E |
| 57 | *Uvaria flexuosa* Ast | Bù dẻ cong keo | Bu | M,E |
| 58 | *Xylopia pierrei* Hance | Giền trắng | Gl | E,T |

*Ghi chú*: DT (Dạng thân): Bu; Thân bụi; Lt: Leo trườn, Gn: gỗ nhỏ, Gl: Gỗ lớn; GTSD (Giá trị sử dụng): M: Làm thuốc; E: Cho tinh dầu; T: Cho gỗ; Or: Làm cảnh; F: Ăn được.

**2. Đa dạng về dạng thân**

Kết quả điều tra cho thấy các loài thực vật chứa tinh dầu thuộc 2 họ Cam (Rutaceae) và Na (Annonaceae) ở VQG Pù Mát thuộc 4 dạng thân chính. Trong đó, cây gỗ nhỏ là đa dạng nhất với 28 loài chiếm 50,00% tổng số loài, các loài chủ yếu thuộc các chi: *Atalanta, Acronychia, Citrus, Clausena, Tetradium, Zanthoxylum, Miliusa, Annona, Alphonsea, Dasymaschalon, Xylopia;* nhóm cây thân bụi với 23 loài chiếm 39,66%, chủ yếu thuộc các chi *Euodia, Glycosmis, Micromelum, Artabotrys, Desmos, Fissistigma, Uvaria*; nhóm cây gỗ lớn chỉ có 1 loài chiếm 1,72% là Giền trắng (*Xylopia pierrei* Hance), nhóm cây leo trườn với 5 loài thuộc họ Cam (Rutaceae) như: Hoàng mộc sai (*Zanthoxylum laetum* Drake), Xáo petelot (*Paramignya petelotii* Guillaum.), Sưng (*Zanthoxylum nitidum* (Lamk.) DC.), Móc câu hương (*Luvunga scandens* (Roxb.) Buch.-Ham.), Cựa gà (*Paramignya andamanica* (King) Tanaka). Kết quả đó góp phần định hướng cho việc khai thác, trồng và sử dụng nguồn cây tinh dầu đạt hiệu quả cao nhất.

**3. Đa dạng về giá trị sử dụng**

Về giá trị sử dụng của các loài được điều tra, ngoài là cây cho tinh dầu nhiều loài còn có các giá trị khác: nhóm cây làm thuốc với 37 loài chiếm 63,79%; nhóm cây làm cảnh với 10 loài chiếm 17,24; nhóm cây ăn được (cho lá, quả ăn được) với 9 loài chiếm 15,52% và thấp nhất là nhóm cây cho gỗ với 4 loài chiếm 6,90%.

- Nhóm cây cho tinh dầu: Đây là 2 họ thực vật chứa tinh dầu (hầu như tất cả các chi, các loài đều chứa tinh dầu [6]) nên đã được nghiên cứu nhiều, điển hình như các công trình của Lã Đình Mỡi và cs (2001) [6], Nguyễn Xuân Dũng và cs (2005) [3], Trần Đình Thắng và cs (2014) [7],… Ngoài ra, một số loài trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi đã chưng cất và phân tích thành phần hóa học của tinh dầu như: Quýt rừng (*Atalantia guillauminii* Sw.), Quýt dại roxburghia (*Atalantia roxburghiana* Hook. f.), Mắt trâu (*Micromelum hirsutum* Oliv.), An phong bắc bộ (*Alphonsea tonkiensis*),…

- Nhóm cây làm thuốc: Ngoài giá trị về tinh dầu thì các loài còn được người dân ở khu vực nghiên cứu sử dụng làm thuốc chủ yếu thuộc các nhóm bệnh như: bồi bổ sức khỏe, bệnh thời tiết, đau xương khớp,…

- Nhóm cây làm cảnh: Một số loài trong 2 họ được sử dụng trồng làm cảnh như: Móng rồng hồng kông (*Artabotrys hongkognensis* Hance), Hoa giẻ thơm (*Desmos chinensis* Lour.), Hoa giẻ nam bộ (*Desmos cochinchinensis* Lour.),…

- Nhóm cây ăn được: Đây là nhóm được người dân sử dụng lá để dùng làm rau ăn hàng ngày hay ăn quả, ngoài ra hạt của một số loài trong chi Zanthoxylum còn được sử dụng để làm gia vị như: Sẻn (*Zanthoxylum acanthopodium* DC.), Hoàng mộc nhiều gai (*Zanthoxylum myriacanthum* Wall. ex Hook.f.), Sưng (*Zanthoxylum nitidum* (Lamk.) DC.),…

- Nhóm cây cho gỗ: Trong 2 họ này chủ yếu là cây gỗ nhỏ, rất ít cây gỗ lớn, gỗ không có giá trị cao, chỉ được dùng đóng đồ đạc thông thường như các loài: Dầu dấu lá tần bì (*Tetradium fraxinifolium* (Hook. f.) Hartl.), Mại liễu balansa (*Miliusa balansae* Fin. et Gagnep.), Nhọc lá to (*Polyalthia lauii* Merr.), Giền trắng (*Xylopia pierrei* Hance).

## III. KẾT LUẬN

- Đã điều tra được 58 loài cây có tinh dầu trong 24 chi của 2 họ Na (Annonaceae) và Cam (Rutaceae) ở Vườn quốc gia Pù Mát, Nghệ An.

- Các loài cây tinh dầu thuộc 4 dạng thân chính là nhóm cây gỗ nhỏ với 28 loài, cây bụi với 23 loài, cây leo trườn với 4 loài và thấp nhất là cây gỗ lớn với 1 loài.

- Ngoài cho tinh dầu thì các loài của 2 họ Na (Annonaceae) và Cam (Rutaceae) còn có các giá trị khác như làm thuốc (37 loài), làm cảnh (10 loài), ăn được (9 loài) và cho gỗ (4 loài).

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Nguyễn Tiến Bân**, 2000. Thực vật chí Việt Nam, Nxb. KHKT, Hà Nội.
2. **Võ Văn Chi**, 2012. Từ điển cây thuốc Việt Nam, Nxb. Y học, Hà Nội, Tập I-II.
3. **Nguyen Xuan Dung, Tran Dinh Thang**, 2005. Terpenoid and Application (Mono-and Sesquiterpenoids), Viet Nam National University Publishers, Ha Noi.
4. **Bùi Thị Thu Hà**, 2012. Nghiên cứu phân loại họ Cam (Rutaceae Juss.) ở Việt Nam, Luận án Tiến sĩ Sinh học, Hà Nội.
5. **Phạm Hoàng Hộ**, 1999-2000. Cây cỏ Việt Nam, Nxb. Trẻ, TP HCM, Quyển 1-2.
6. **Lã Đình Mỡi, Lưu Đàm Cư, Trần Minh Hợi, Trần Huy Thái, Ninh Khắc Bản**, 2000. Tài nguyên thực vật có tinh dầu ở Việt Nam, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, Tập 1.
7. **Trần Đình Thắng, Đỗ Ngọc Đài, Phạm Quốc Long, Châu Văn Minh**, 2014. Tinh dầu của một số loài trong họ Na (Annonaceae Juss.) ở Việt Nam, Nxb. KHTN & CN, Hà Nội.
8. **Nguyễn Nghĩa Thìn**, 2008. Các phương pháp nghiên cứu thực vật, Nxb. ĐH Quốc gia, Hà Nội.
9. **Nguyễn Nghĩa Thìn, Nguyễn Thanh Nhàn**, 2004. Đa dạng thực vật Vườn Quốc gia Pù Mát, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
10. **Li Ping Tao (Edit.)**, 2011. Flora of China, Annonaceae, Vol. 19.: 672-713.

# ESSENTIAL OIL CONTAINING SPECIES OF ANNONACEAE AND RUTACEAE FAMILIES IN PU MAT NATIONAL PARK, NGHE AN PROVINCE, VIETNAM

**NGUYEN VIET HUNG, TRAN HUY THAI, DO NGOC DAI**

SUMMARY

Essential oil containing species of Annonaceae and Rutaceae families from Pu Mat National park, Nghe An province, were surveyed and identified with 58 species belonging to 24 genera. The number of useful plant species of the flora is categorized as follows: 58 species for essential oil, 37 for medicinal plants, 4 species for timber yielding, 10 species as edible and 9 species for ornamental purposes.